

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ  
GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP  
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ  
HỘI TIỀN**

**TÔN NHIỆU HUYNH**

**Niên khóa: 2016 - 2020**

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

----------



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ  
GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP  
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ  
HỘI TIẾN**

Sinh viên thực hiện:  
**TÔN NHẬT DIỆU HUYỀN**  
Lớp K50C Kế Toán  
Niên khóa: 2016-2020

Giáo viên hướng dẫn:  
**ThS. HOÀNG THÙY DIỆP NG**

Huế, tháng 12 năm 2019

## Lời Cảm Ơn

Với lòng kính trọng và sự tri ân sâu sắc, trước tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý Thầy Cô Trường Đại học Kinh tế – Đại học Huế, đặc biệt là quý Thầy Cô trong Khoa Kế toán – Kiểm toán đã trang bị cho em nhiều kiến thức quý báu trong suốt thời gian 3 năm học vừa qua. Với vốn kiến thức được tiếp thu trong quá trình học không chỉ là nền tảng cho quá trình thực hiện báo cáo mà còn là hành trang quý báu để em bước vào đời một cách vững chắc và tự tin. Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến cô giáo Ths. Hoàng Thùy Dương đã giúp đỡ và hướng dẫn em tận tình trong suốt quá trình thực tập nghề nghiệp. Em chân thành cảm ơn Ban giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Tiến nói chung cùng các anh chị trong bộ phận kế toán nói riêng đã cho phép và tạo điều kiện thuận lợi để em được thực tập tại công ty. Trong quá trình hơn 3 tháng thực tập ở công ty với vốn kiến thức còn hạn chế và kinh nghiệm non trẻ của bản thân sẽ không tránh khỏi những sai sót vốn có. Em rất mong nhận được lời góp ý từ quý thầy cô để hoàn thiện bài luận văn tốt nhất. Em xin chân thành cảm ơn.

Sinh viên thực hiện:

Tôn Nữ Diệu Hiền

## DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

|      |   |                       |
|------|---|-----------------------|
| BCTC | : | Báo cáo tài chính     |
| CCDC | : | Công cụ đo lường      |
| CSKD | : | Cổ sở kinh doanh      |
| TNHH | : | Trách nhiệm hữu hạn   |
| DN   | : | Doanh nghiệp          |
| GTGT | : | Giá trị gia tăng      |
| HĐ   | : | Hóa đơn               |
| HHDV | : | Hàng hóa dịch vụ      |
| HTKK | : | Hệ thống kê khai      |
| NSNN | : | Ngân sách nhà nước    |
| TK   | : | Tài khoản             |
| TNDN | : | Thu nhập doanh nghiệp |
| TSCĐ | : | Tài sản cố định       |
| TSDH | : | Tài sản dài hạn       |
| TSNH | : | Tài sản ngắn hạn      |
| VCSH | : | Vốn chủ sở hữu        |
| VNE  | : | Việt Nam Đồng         |
| NNT  | : | Ngân nhập thu         |

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU

|                                                                                                              |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 2.1 Tình hình lao động của Công ty giai đoạn 2016 – 2018 .....                                          | 37 |
| Bảng 2.2 Tình hình chi tiêu và biến động tài sản, nguồn vốn của Công ty giai đoạn 2016 - 2018 .....          | 39 |
| Bảng 2.3: Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH TM & DV Hội Tín giai đoạn 2016 - 2018. .... | 43 |
| Biểu 2.1 Hóa đơn GTGT 0006994 .....                                                                          | 49 |
| Biểu 2.2 Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào tháng 12/2018 .....                                                | 51 |
| Biểu 2.3. Sổ chi tiêu TK 1331 tháng 12 năm 2018 .....                                                        | 53 |
| Biểu 2.4. Sổ chi tiêu tài khoản 331 công ty TNHH Kiến trúc và Thiết kế môi Á Châu .....                      | 54 |
| Biểu 2.5. Phiếu nhập kho.....                                                                                | 55 |
| Biểu 2.6. Hóa đơn GTGT đầu vào.....                                                                          | 57 |
| Biểu 2.7. Phiếu nhập kho.....                                                                                | 58 |
| Biểu 2.8. Sổ chi tiêu TK 331 công ty Cổ phần Bêc Trung Bê .....                                              | 60 |
| Biểu 2.9 Hóa đơn GTGT đầu ra .....                                                                           | 64 |
| Biểu 2.10. Phiếu xuất kho.....                                                                               | 66 |
| Biểu 2.11. Sổ chi tiêu TK 131 tháng 12 năm 2018 .....                                                        | 67 |
| Biểu 2.12. Sổ chi tiêu TK 33311 tháng 12 năm 2018 .....                                                      | 68 |
| Biểu 2.13. Tờ khai thuế GTGT tháng 12 năm 2018 bổ sung lần 1 .....                                           | 74 |
| Biểu 2.14 Sổ chi tiêu 821 năm 2018 .....                                                                     | 82 |
| Biểu 2.15 Sổ chi tiêu TK 3334 năm 2018 .....                                                                 | 83 |

## DANH MỤC SƠ ĐỒ , BIỂU ĐỒ

|                                                                                                         |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Sơ đồ 1.1. Hệ thống thu gom GTGT đầu vào theo phương pháp khấu trừ .....                                | 23 |
| Sơ đồ 1.2. Hệ thống thu gom GTGT đầu ra.....                                                            | 25 |
| Sơ đồ 1.3. Hệ thống thu nhập doanh nghiệp.....                                                          | 27 |
| Sơ đồ 1.4. Hệ thống chi phí thu nhập doanh nghiệp.....                                                  | 28 |
| Sơ đồ 2.1: Trình tự hạch toán máy quản lý của công ty TNHH TM & DV Hải Tín .....                        | 31 |
| Sơ đồ 2.2: Sơ đồ trình tự hạch toán công ty.....                                                        | 33 |
| Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Tín..... | 35 |
| Biểu đồ 2.1: Cơ cấu tài sản của công ty qua 3 năm 2016-2018 .....                                       | 40 |
| Biểu đồ 2.2. Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2016 - 2018 .....                                               | 42 |

## DANH MỤC HÌNH ẢNH

|                                                                |    |
|----------------------------------------------------------------|----|
| Hình 2.1. Biên bản giao nhận hàng hóa.....                     | 59 |
| Hình 2.2. Chứng từ ghi nhận và chứng từ phát sinh.....         | 62 |
| Hình 2.3. Đơn mã số thuế đăng nhập .....                       | 69 |
| Hình 2.4. Chứng từ kê khai thuế GTGT .....                     | 70 |
| Hình 2.5. Tờ khai thuế GTGT lần đầu tháng 12/2018 .....        | 71 |
| Hình 2.6. Báo cáo tình hình sản xuất hóa đơn .....             | 76 |
| Hình 2.7. Chứng từ tính thuế .....                             | 84 |
| Hình 2.8. Phức tạp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ..... | 85 |
| Hình 2.9. Tờ khai thuế TNDN.....                               | 88 |

## M C L C

|                                                                                                                                 |          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>PH  N I: Đ  T V  N Đ</b> .....                                                                                               | <b>1</b> |
| 1. Lý do ch  n đ  tài .....                                                                                                     | 1        |
| 2. M  c tiêu đ  tài .....                                                                                                       | 2        |
| 3. Đ  i t  ng nghiên c  u đ  tài .....                                                                                          | 2        |
| 4. Ph  m vi nghiên c  u đ  tài .....                                                                                            | 2        |
| 5. Ph  ng pháp nghiên c  u đ  tài .....                                                                                         | 2        |
| 6. K  t c  u đ  tài .....                                                                                                       | 3        |
| <b>PH  N II: N  I DUNG VÀ K  T QU  NGHIÊN C  U</b> .....                                                                        | <b>4</b> |
| <b>CH  NG 1. C  S  LÝ LU  N V  CÔNG TÁC K  TOÁN THU  GIÁ TR  GIA TĂNG VÀ THU  THU NH  P DOANH NGHIỆP T  I DOANH NGHIỆP P ..</b> | <b>4</b> |
| 1.1. Nh  ng v  n đ  c  b  n v  thu  .....                                                                                       | 4        |
| 1.1.1. Khái ni  m .....                                                                                                         | 4        |
| 1.1.2. Đ  c đi  m.....                                                                                                          | 5        |
| 1.1.3. Vai trò c  a thu  .....                                                                                                  | 6        |
| 1.2. Nh  ng v  n đ  c  b  n v  thu  giá tr  gia tăng và thu  thu nh  p doanh nghiệp .....6                                      | 6        |
| 1.2.1. Thu  giá tr  gia tăng.....6                                                                                              | 6        |
| 1.2.1.1. Khái ni  m.....6                                                                                                       | 6        |
| 1.2.1.2. Đ  c đi  m.....6                                                                                                       | 6        |
| 1.2.1.3. Vai trò.....7                                                                                                          | 7        |
| 1.2.1.4. Ng  i i n  p thu  , đ  i t  ng ch  u thu  , không ch  u thu  giá tr  gia tăng .....7                                   | 7        |
| 1.2.1.5. Căn c  và ph  ng pháp tính thu  GTGT .....                                                                             | 9        |
| 1.2.1.6 Kê khai, n  p thu  , kh  u tr  , quy  t toán thu  và hoàn thu  GTGT .....                                               | 12       |
| 1.2.2. Thu  thu nh  p doanh nghiệp .....15                                                                                      | 15       |
| 1.2.2.1. Khái ni  m .....                                                                                                       | 15       |
| 1.2.2.2. Đ  c đi  m.....15                                                                                                      | 15       |
| 1.2.2.3. Vai trò.....15                                                                                                         | 15       |
| 1.2.2.4. Đ  i t  ng ch  u thu  , ng  i i n  p thu  Thu nh  p doanh nghiệp.....15                                                | 15       |

|                                                                                                                                                     |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1.2.2.5. Căn cứ và phương pháp tính thuế TNDN.....                                                                                                  | 16        |
| 1.2.2.6. Khai, nộp thuế và quy tắc toán thuế TNDN .....                                                                                             | 20        |
| 1.3. Nội dung công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp ...                                                              | 21        |
| 1.3.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng .....                                                                                                          | 21        |
| 1.3.1.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào.....                                                                                                 | 21        |
| 1.3.1.2 Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra.....                                                                                                   | 23        |
| 1.3.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp .....                                                                                                     | 26        |
| <b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI TIẾN .....</b> | <b>29</b> |
| 2.1. Giới thiệu tổng quan về công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Tiến .....                                                                         | 29        |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                      | 29        |
| 2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty .....                                                                                                        | 30        |
| 2.1.2.1. Chức năng.....                                                                                                                             | 30        |
| 2.1.2.2. Nhiệm vụ .....                                                                                                                             | 30        |
| 2.1.3. Ngành nghề kinh doanh.....                                                                                                                   | 30        |
| 2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty .....                                                                                              | 31        |
| 2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty .....                                                                                              | 33        |
| 2.1.6. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng .....                                                                                                   | 34        |
| 2.1.7. Tình hình nguồn lực của công ty qua 3 năm 2016-2018.....                                                                                     | 36        |
| 2.1.7.1 Tình hình lao động của công ty .....                                                                                                        | 36        |
| 2.1.7.2 Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty giai đoạn 2016-2018.....                                                                         | 39        |
| 2.1.7.3 Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của công ty .....                                                                                    | 43        |
| 2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế TNDN tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Tiến.....                            | 45        |
| 2.2.1 Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng .....                                                                                       | 45        |
| 2.2.1.1 Đối điểm tổ chức công tác thuế giá trị gia tăng .....                                                                                       | 45        |
| 2.2.1.2. Kế toán thuế GTGT đầu vào .....                                                                                                            | 47        |
| 2.2.1.3. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra.....                                                                                                  | 61        |
| 2.2.1.4. Công tác kê khai, quy tắc toán thuế giá trị gia tăng .....                                                                                 | 69        |

|                                                                                                                                                                                 |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.2.2. Thúc đẩy công tác kế toán thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty .....                                                                                               | 78        |
| 2.2.2.1. Đặc điểm tổ chức công tác thu thuế thu nhập doanh nghiệp.....                                                                                                          | 78        |
| 2.2.2.2. Kế toán thu thuế thu nhập doanh nghiệp .....                                                                                                                           | 78        |
| 2.2.2.3. Khai, quy toán và nộp thuế TNDN.....                                                                                                                                   | 78        |
| <b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI TIẾN.....</b> | <b>89</b> |
| 3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Tiến. ....                                                                               | 89        |
| 3.1.1. Ưu điểm.....                                                                                                                                                             | 89        |
| 3.1.2 Nhược điểm: .....                                                                                                                                                         | 90        |
| 3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty.....                                                             | 91        |
| <b>PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>                                                                                                                                    | <b>93</b> |
| 1. Kết luận .....                                                                                                                                                               | 93        |
| 2. Kiến nghị .....                                                                                                                                                              | 94        |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>                                                                                                                                        | <b>95</b> |

## PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

### 1. Lý do chọn đề tài

Việt Nam đang trên con đường đổi mới và hội nhập với nền kinh tế thế giới. Quá trình mở cửa, hội nhập kinh tế trong khu vực tiến đến toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, quy luật của loài người tiến bộ. Trong quá trình đó thu nhập luôn được các quốc gia chú trọng bởi tầm quan trọng của nó với sự phát triển lâu dài và mức sống của quốc gia. Thu nhập góp phần đem lại duy trì hoạt động của bộ máy Nhà nước và thúc đẩy các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Không những thế, thu nhập còn trở thành công cụ tài chính quan trọng giúp Nhà nước quản lý vĩ mô nền kinh tế theo hướng khuyến khích đầu tư, khuyến khích xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển đổi hội nhập kinh tế quốc tế.

Nhìn thấy được rằng, thu nhập và kế toán thu nhập luôn là vấn đề được quan tâm của nhiều doanh nghiệp, của Nhà nước để thấy rằng là vấn đề nhạy cảm của xã hội, Quốc hội đã không ngừng bổ sung sửa đổi nhằm xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật về thu nhập sao cho hiệu quả và phù hợp với thực trạng nền kinh tế nước nhà. Trong đó, luật thu nhập Giá trị gia tăng và thu nhập Thu nhập doanh nghiệp là hai luật thu nhập phổ biến nhất. Tuy đó là những sắc thuế còn mới và non trẻ nhưng là công cụ quan trọng để nhà nước thực hiện các chức năng của mình, góp phần kiểm soát và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thu nhập có vai trò to lớn là vậy, tuy nhiên Nhà nước vẫn gặp khá nhiều khó khăn trong công tác thu thu nhập. Bởi lẽ, đối với các loại thuế trực thu như Thuế Thu nhập Doanh nghiệp thì dễ gây phản ứng tiêu cực đối với nộp thuế hoặc dễ xảy ra tình trạng trốn thuế, lậu thuế, còn đối với các loại thuế gián thu như thuế Giá trị gia tăng thì mặc dù không có gánh nặng về thuế nhưng Nhà nước lại gặp nhiều doanh nghiệp đều gặp khó khăn vì kế toán không nắm đúng, hiểu các thông tin, quy định liên quan đến luật thuế.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hội Tiến, em nhận thấy thuế GTGT và thuế TNDN là hai sắc thuế phát sinh khá nhiều từ doanh nghiệp. Với mong muốn được tìm hiểu thực tế áp dụng các sắc thuế này trong doanh

những cũng như nâng cao kỹ năng trong công tác kế toán, góp phần hoàn thiện lý luận và thực tiễn về hệ thống kế toán Thuế GTGT và TNDN tại doanh nghiệp. Em đã quyết định thực hiện đề tài: **“Thực trạng công tác kế toán thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hòa Tín”** để làm đề tài khóa luận của mình.

## 2. Mục tiêu đề tài

-Tìm hiểu về cơ sở lý luận của kế toán thuế GTGT và thuế TNDN trong doanh nghiệp, nghiên cứu các quy định của nhà nước và cơ quan thuế về 2 sắc thuế nói trên.

-Tìm hiểu về thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hòa Tín.

-Đánh giá các ưu điểm, nhược điểm công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty nhằm đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hòa Tín.

## 3. Đối tượng nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hòa Tín.

## 4. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Nội dung: Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty.

Thời gian: Số liệu dùng để phân tích tình hình lao động, tài sản, nguồn vốn, kết quả hoạt động SXKD trong vòng ba năm 2016, 2017, 2018, dữ liệu về những số liệu phục vụ cho việc phân tích thực trạng kế toán thuế GTGT là tháng 12/2018 và thuế TNDN là năm 2018.

Không gian: Đề tài được nghiên cứu trong phạm vi không gian là tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hòa Tín.

## 5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

- Phương pháp thu thập số liệu:

**Phương pháp quan sát:** Quan sát hoạt động hàng ngày của nhân viên kế toán thuế cũng như nhân viên đảm nhận các phần hành kế toán khác trong doanh nghiệp để biết được cách thức, trình tự luân chuyển chứng từ, định khoản, ghi quyết các nghiệp vụ, tình huống phát sinh trong doanh nghiệp.

**Phương pháp phỏng vấn:** Trắc tiếp đặt ra những câu hỏi mà bản thân thắc mắc hay gặp phải khó khăn trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, nhằm thu thập được những thông tin cần thiết.

**Phương pháp nghiên cứu tài liệu:** Đọc, tham khảo, tìm hiểu các tài liệu tài sách, vở, giáo trình, các văn bản pháp luật về thuế, các thông tư, nghị định và một số bài luận văn của các khóa trước để từ đó em có thể xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

#### ▪ Phương pháp xử lý số liệu

**Phương pháp xử lý số liệu bằng Excel:** Các số liệu thu thập sẽ được tiến hành xử lý, chuyển đổi đưa vào khóa luận một cách khoa học. Hình thức xử lý chủ yếu được sử dụng trong đề tài là dùng Microsoft Excel.

**Phương pháp so sánh:** Xác định mức độ biến động của các chỉ tiêu tài chính qua các năm.

**Phương pháp phân tích:** Dựa cơ sở để phân tích tình hình tài sản, nguồn vốn, lao động của công ty dựa trên các số liệu đã được thu thập và xử lý, từ đó đánh giá được năng lực sản xuất, kinh doanh của công ty.

### 6. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu đề tài gồm có 3 chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Tín.

**Chương 3:** Một số đánh giá và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Tín.

## PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI DOANH NGHIỆP

### 1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế

#### 1.1.1. Khái niệm

Cho đến nay trong các sách báo kinh tế trên thế giới vẫn chưa có sự thống nhất tuy nhiên đối với khái niệm về thuế. Định nghĩa trên các góc độ khác nhau theo các quan điểm của các nhà kinh tế khác nhau thì có định nghĩa về thuế khác nhau.

Theo nhà kinh tế học Gaston Jeze trong cuốn “Tài chính công” đưa ra một định nghĩa tổng quát về thuế: “Thuế là một khoản trích nộp bằng tiền, có tính chất xác định, không hoàn trả trực tiếp do các công dân đóng góp cho Nhà nước thông qua con đường quy định nhằm bù đắp những chi tiêu của Nhà nước.”

Trên góc độ phân phối thu nhập, thuế là hình thức phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân nhằm hình thành các quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Trên góc độ người nộp thuế, thuế được coi là khoản đóng góp bắt buộc mà mỗi cá nhân phải có nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước theo Luật định để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Trên góc độ kinh tế học, thuế được xem xét như là một biện pháp điều chỉnh, theo đó, Nhà nước sử dụng quy định của mình để chuyển một phần nguồn lực từ khu vực tư sang khu vực công nhằm thực hiện các chức năng kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Theo thời gian, khái niệm về thuế đã được bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện như sau: “Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc của các pháp nhân, tự nhiên cho Nhà nước theo một định mức và thời hạn được Pháp luật quy định, không mang tính chất hoàn trả

trực tiếp, nhằm sớm đóng góp cho mục đích chung toàn xã hội” - theo giáo trình thuế 1, được biên soạn bởi TS Lê Quang Cường và TS Nguyễn Kim Quyên, năm 2016.

### 1.1.2. Thuế gián thu

Bản chất của thuế gián thu thể hiện bởi các thuộc tính bên trong, vốn có của thuế. Nhưng thuộc tính đó có tính ổn định tương đối đi qua từng giai đoạn phát triển và biến đổi thành những đặc trưng riêng có của thuế, qua đó giúp ta phân biệt giữa thuế với các công cụ tài chính khác. Những đặc trưng đó là:

*Thứ nhất, thuế là khoản thu mang tính bắt buộc.*

Tính bắt buộc thể hiện ở chỗ, đối với người nộp thuế, đây là nghĩa vụ chuyển giao tài sản của họ cho nhà nước khi có đủ điều kiện mà không phải là quan hệ thanh toán dù trong hợp đồng hay ngoài hợp đồng. Đối với các cơ quan thu thuế, khi thay mặt nhà nước thực hiện các hành vi nhất định cũng không được phép lơ đãng thờ ơ hay không thực hiện hành vi thu thuế, có sự phân biệt đối xử đối với NNT.

Tính bắt buộc này liên quan mật thiết với một đặc điểm khác của thuế, đó là tính không hoàn trả trực tiếp. Đặc điểm này cho thấy không phải ai cũng tự nguyện nộp thuế khi giá trị mình bỏ ra không tương đương với giá trị nhận được. Do đó, để đảm bảo nguồn thu lâu dài và ổn định cho ngân sách nhà nước, tính bắt buộc của thuế là cần thiết.

*Thứ hai, không hoàn trả trực tiếp*

Tính chất không hoàn trả trực tiếp của thuế thể hiện ở chỗ: thuế được hoàn trả gián tiếp cho người nộp thuế thông qua các dịch vụ công cộng của Nhà nước. Sự không hoàn trả trực tiếp được thể hiện ở chỗ và sau khi thu thuế.

Đặc điểm này giúp ta phân biệt sự khác nhau giữa thuế với các khoản phí, lệ phí và tín dụng Nhà nước.

*Thứ ba, thuế mang tính pháp lý cao.*

Điều này được quy định bởi quy định pháp luật của Nhà nước. Nhà nước là một thực thể chính trị, để điều hành cho quy định của giai cấp thống trị, thi hành các chính sách do giai cấp thống trị đưa ra để cai trị xã hội.

Tính pháp lý được thể hiện thông qua các quy định của thiết kế phạm vi, hình thức, các thủ tục và quy trình pháp lý liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế như đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế, mức thuế phải nộp, thời hạn nộp thuế và các chủ thể mang tính cá biệt khác.

Việc áp dụng pháp luật nhà nước trong việc quản lý và thu thuế gián tiếp đảm bảo tính ổn định trong việc xác định nguồn thu tài chính của nhà nước và đảm bảo tính ổn định của thuế.

### 1.1.3. Vai trò của thuế

Thuế là công cụ dùng để huy động nguồn lực tài chính cho nhà nước thông qua việc thu thuế. Thuế giúp điều tiết vĩ mô cho nền kinh tế, điều hòa thu nhập, thể hiện công bằng xã hội. Từ đó thuế góp phần giúp nhà nước can thiệp vào quá trình phân phối thu nhập, của cải xã hội, hạn chế sự chênh lệch lớn về mức sống, việc thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.

## 1.2. Những vấn đề cơ bản về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp

### 1.2.1. Thuế giá trị gia tăng

#### 1.2.1.1. Khái niệm

Theo Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12: “Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình tiêu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng”.

#### 1.2.1.2. Đặc điểm

Thứ nhất, thuế GTGT là một loại thuế gián thu: Đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế không phải là một. Mặt khác, thuế GTGT là một yếu tố cấu thành trong giá cả hàng hóa, dịch vụ hay nói cách khác giá cả mà người tiêu dùng mua đã bao gồm thuế GTGT do đó có thể điều tiết gián tiếp thông qua giá cả của hàng hóa, dịch vụ.

Thứ hai, Thuế GTGT là thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn không trùng lặp: Thuế GTGT đánh vào tất cả các giai đoạn tiêu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ tuy nhiên chỉ đánh vào giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Do đó, từng

số thuế thu được có thể có các giai đoạn số bằng số thuế GTGT tính trên giá bán tính cho người tiêu dùng cuối cùng

Thứ ba, Thuế GTGT có tính tích lũy thoái so với thu nhập: Thuế GTGT đánh vào HHDV. Người tiêu dùng hàng hóa dịch vụ là người phải trả khoản thuế đó, không phân biệt thu nhập cao hay thấp đều phải trả một khoản thuế bằng nhau nếu dùng một loại HHDV. Như vậy, nếu so sánh giữa số thuế GTGT phải trả so với thu nhập thì người nào có thu nhập càng cao thì tổng tiền thuế GTGT phải trả so với thu nhập càng thấp và ngược lại.

Thứ tư, thuế GTGT là loại thuế có tính trung lập cao: Thuế GTGT không chịu ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh, không phải là yếu tố chi phí mà chỉ là yếu tố cộng thêm vào giá bán. Thuế giá trị gia tăng không bóp méo giá cả hàng hóa.

#### 1.2.1.3. Vai trò

-Đảm bảo nguồn thu ngân, ổn định và kịp thời cho NSNN, góp phần tăng cường tài chính quốc gia, đảm bảo nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo và củng cố an ninh quốc phòng.

-Thuế GTGT góp phần bảo hộ nền sản xuất nội địa thông qua việc đánh thuế GTGT hàng nhập khẩu khi nó xuất hiện trên lãnh thổ nước ta. Bên cạnh đó cũng góp phần thúc đẩy việc xuất khẩu hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thông qua việc khấu trừ hay hoàn lại số thuế GTGT đầu vào, điều này giúp giá cả của hàng hóa dịch vụ thấp đi, tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

- Thuế GTGT giúp nhà nước kiểm soát được hoạt động, sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa như kiểm soát hệ thống hóa đơn chứng từ, khắc phục được những điểm chết của thuế doanh thu là trốn thuế. Qua đó, còn cung cấp cho công tác nghiên cứu, thông kê những số liệu quan trọng.

#### 1.2.1.4. Người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, không chịu thuế giá trị gia tăng

##### a. Phạm vi áp dụng:

Thuế GTGT có phạm vi tác động rộng, đánh vào hầu hết tất cả các hàng hóa dịch vụ trên thị trường.

b. Người nộp thuế

Theo Điều 3, Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật thuế GTGT quy định:

“Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là chủ sở hữu kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu)”.

c. Đối tượng chịu thuế

“Hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT”. (Điều 3, Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12).

d. Đối tượng không chịu thuế

Đối tượng không chịu thuế được quy định rõ tại Thông tư 26/2015/TT – BTC, sửa đổi, bổ sung cho Điều 4, Thông tư 219/2013 bao gồm 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trong các tính chất sau: Mang tính thiết yếu; Thuộc các hoạt động ưu đãi vì mục tiêu xã hội, nhân đạo; Thuộc một số ngành cần khuyến khích phát triển; Nhập khẩu nhưng không tiêu dùng tại Việt Nam; Khó xác định giá trị tăng thêm. Cụ thể như sau:

- Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, thu hoạch, hái sản phẩm rừng, đánh bắt chim biển thành các sản phẩm khác hoặc chế biến qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân sản xuất, đánh bắt bán ra và khâu nhập khẩu.

- Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, cành giống, củ giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền và các khâu nuôi trồng, nhập khẩu và kinh doanh thương mại.

- Tài sản, tiêu sản; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

- Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm người khác, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác.

- Và một số đối tượng khác.

#### 1.2.1.5. Căn cứ và phương pháp tính thuế GTGT

##### (1) Căn cứ tính thuế

Theo Điều 6, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 quy định “Căn cứ để tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất”.

$$\text{Thuế GTGT} = \text{Giá tính thuế GTGT} * \text{Thuế suất}$$

##### a. Giá tính thuế GTGT

Theo Điều 7, luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 và luật sửa đổi, bổ sung thuế GTGT số 31/2012/QH13 quy định như sau:

1, Đối với HHDV sản xuất trong nước bán ra:

Giá tính thuế GTGT là giá bán chưa thuế GTGT được ghi trên hóa đơn GTGT

- Đối với HHDV chịu thuế TTĐB: Giá tính thuế GTGT là giá đã bao gồm thuế TTĐB nhưng chưa có thuế GTGT

- Đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường: giá tính thuế GTGT là giá đã bao gồm thuế BVMT nhưng chưa có thuế GTGT

- Đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường và thuế tiêu thụ đặc biệt: giá tính thuế GTGT là giá đã bao gồm thuế TTĐB và thuế BVMT nhưng chưa có thuế GTGT.

2, Đối với hàng hóa tiêu dùng nội bộ: hàng hóa luân chuyển nội bộ như hàng hóa được xuất để chuyển kho nội bộ, xuất vật tư, bán thành phẩm tiếp tục quá trình sản xuất trong một cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc HHDV do cơ sở sản xuất kinh doanh xuất hoặc cùng một pháp nhân hoặc đồng kinh doanh thì không tính và nộp thuế GTGT.

3, Đối với hàng hóa, dịch vụ (kể cả mua ngoài hoặc do cơ sở kinh doanh tự sản xuất) dùng để trao đổi, biếu, tặng cho, trả thay nợ: giá bán chưa thuế GTGT của HHDV từng đồng, cùng loại trên thị trường tại thời điểm phát sinh hoạt động này.

4, Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mãi theo quy định của pháp luật theo thông lệ: Giá tính thuế bằng không (0). Trường hợp HHDV dùng để khuyến mãi nhưng không thể hiện theo quy định của pháp luật thông lệ thì phải kê khai, tính nộp thuế như HHDV dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu tặng cho.

5, Đối với hoạt động cho thuê tài sản: là giá cho thuê chưa có thuế GTGT

▪ Trường hợp bên đi thuê trả tiền kỳ hạn hoặc trả trước cho thời hạn thuê; là giá cho thuê chưa có thuế GTGT theo số tiền bên đi thuê trả tiền kỳ hạn hay trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế GTGT.

▪ Giá cho thuê tài sản do các bên thỏa thuận được xác định theo hợp đồng. Trường hợp pháp luật có quy định về khung giá cho thuê thì giá cho thuê được xác định trong phạm vi khung giá quy định.

6, Đối với hàng hóa bán theo phương thức góp, trả chậm: Giá tính thuế là giá bán trả tiền ngay chưa thuế GTGT, không bao gồm lãi trả góp, trả chậm.

#### b. Thuế suất

Được quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2013 có 3 mức thuế GTGT được áp dụng là 0%, 5% và 10% cho các hàng hóa dịch vụ khác nhau. Cụ thể:

- Áp dụng thuế suất 0%
  - Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.
  - Hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ngoài và trong khu phi thuế quan.
  - Vận tải quốc tế.
  - Hàng hóa, dịch vụ thu được không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu.

Hàng hóa xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% khi có đầy đủ hồ sơ, chứng từ sau:

- + Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; hợp đồng ủy thác xuất khẩu.
- + Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật.
- + Có tờ khai hải quan theo quy định..

- Áp dụng thuế suất 5%

**Nhóm 1:** HHDV thiêt yếu phục vụ cho đời sống xã hội

- Nông sản thực phẩm sản xuất, sinh hoạt
- Thuộc chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi
- Đồ chơi trẻ em, các loại sách (trừ sách không chịu thuế GTGT)